



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP * HỆ ĐẠI HỌC TỪ XA
CƠ SỞ TRƯỜNG TC CN & KTDN HÀ NỘI * KHÓA X18
KHỐI LỚP: X18TOP_QTH5_C2 (CDT5) * NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÔN: KINH TẾ VI MÔ * SỐ TÍN CHỈ: 3
MÃ MÔN: ECO101

Đợt học : 4

Lần thi : 1

Thời gian : 08/09/2013

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H1	H2	M	I	F	SỐ	CHỮ	
				10%	0%	0%	15%	15%	0%	0%	60%			
1	1829210729	Nguyễn Đức Bằng	X18TOP_QTH5_C2	8			5.5	8.5			4.3	5.5	Năm Phẩy Năm	
2	1829210835	Phùng Xuân Bền	X18TOP_QTH5_C2	9			9.8	10			9.8	9.8	Chín Phẩy Tám	
3	1828210844	Lương Thị Hải Bình	X18TOP_QTH5_C2	10			9	9			9	9.1	Chín Phẩy Một	
4	1829210732	Bùi Huy Cương	X18TOP_QTH5_C2	10			9.5	8			9	9.0	Chín	
5	1829210829	Nguyễn Văn Du	X18TOP_QTH5_C2	6			9.3	10			v	0.0	Không	
6	1829210836	Lăng Tiến Đức	X18TOP_QTH5_C2	6			8.3	8			8.8	8.3	Tám Phẩy Ba	
7	1829210737	Nguyễn Anh Đức	X18TOP_QTH5_C2	2			0	6.8			8.8	6.5	Sáu Phẩy Năm	
8	1828210875	Nguyễn Thị Dung	X18TOP_QTH5_C2	10			9	5.8			8.8	8.5	Tám Phẩy Năm	
9	1828210847	Nguyễn Thị Thanh Hải	X18TOP_QTH5_C2	10			9	9			8.5	8.8	Tám Phẩy Tám	
10	1829210848	Phan Văn Hải	X18TOP_QTH5_C2	4			9.5	6.3			v	0.0	Không	
11	1828210830	Nguyễn Thị Hằng	X18TOP_QTH5_C2	10			9.5	9.5			9.5	9.6	Chín Phẩy Sáu	
12	1829210837	Nguyễn Văn Hiên	X18TOP_QTH5_C2	10			9.8	10			9.5	9.7	ChínPhẩy Bảy	
13	1829210746	Lục Trọng Hiếu	X18TOP_QTH5_C2	8			8.5	8.8			8.3	8.4	Tám Phẩy Bốn	
14	1829210849	Lê Huy Hoàng	X18TOP_QTH5_C2	6			8	9			7.8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
15	1829210748	Bùi Văn Học	X18TOP_QTH5_C2	5			9.5	8.5			8.8	8.5	Tám Phẩy Năm	
16	1828210850	Nguyễn Thị Thu Hương	X18TOP_QTH5_C2	9			10	8.5			9	9.1	Chín Phẩy Một	
17	1828210754	Triệu Thu Hường	X18TOP_QTH5_C2	2			7	8.5			8	7.3	Bảy Phẩy Ba	
18	1828210755	Trần Thị Thanh Hường	X18TOP_QTH5_C2	4			8	9.5			7.8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
19	1828210851	Trần Ngọc Lan	X18TOP_QTH5_C2	9			10	9			8	8.6	Tám Phẩy Sáu	
20	1828210758	Đinh Thị Tố Liên	X18TOP_QTH5_C2	6			8.5	7.7			9.3	8.6	Tám Phẩy Sáu	
21	1828210759	Nguyễn Thùy Linh	X18TOP_QTH5_C2	3			5	1			6	4.8	Bốn Phẩy Tám	
22	1828210760	Bùi Thị Thanh Loan	X18TOP_QTH5_C2	8			9	8.5			8	8.2	Tám Phẩy Hai	
23	1829210846	Nguyễn Hoàng Long	X18TOP_QTH5_C2	7			8	7			6.8	7.0	Bảy	
24	1828210852	Nguyễn Thị May	X18TOP_QTH5_C2	9			9	8.5			8.5	8.6	Tám Phẩy Sáu	
25	1829210764	Phạm Văn Minh	X18TOP_QTH5_C2	8			9.5	8.8			9.3	9.1	Chín Phẩy Một	
26	1828210770	Trần Thị Nhài	X18TOP_QTH5_C2	8			9.3	9.3			8.8	8.9	Tám Phẩy Chín	
27	1829210838	Nguyễn Văn Quảng	X18TOP_QTH5_C2	10			8.5	9.5			7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
28	1828210777	Nguyễn Thị Thanh Tâm	X18TOP_QTH5_C2	8			9	9			8.5	8.6	Tám Phẩy Sáu	
29	1829210780	Lê Hoài Thắng	X18TOP_QTH5_C2	8			8.3	8			6.5	7.1	Bảy Phẩy Một	
30	1829210783	Vũ Lê Thắng	X18TOP_QTH5_C2	2			8.5	8			6.8	6.8	Sáu Phẩy Tám	
31	1829210784	Hoàng Minh Thắng	X18TOP_QTH5_C2	10			9.5	9.5			5.8	7.3	Bảy Phẩy Ba	
32	1828210874	Hoàng Thị Thi	X18TOP_QTH5_C2	10			8.5	9			8.3	8.6	Tám Phẩy Sáu	
33	1829210843	Trần văn Thịnh	X18TOP_QTH5_C2	8			10	9			v	0.0	Không	
34	1828210787	Đỗ Thị Thoan	X18TOP_QTH5_C2	7			8.3	8.5			8.5	8.3	Tám Phẩy Ba	
35	1829210832	Lê Đức Thuận	X18TOP_QTH5_C2	6			7	9.5			8.5	8.2	Tám Phẩy Hai	
36	1829210877	Phạm Sỹ Tĩnh	X18TOP_QTH5_C2	4			9.5	8.5			6.5	7.0	Bảy	
37	1829210840	Đinh Thanh Trà	X18TOP_QTH5_C2	6			9	9			5.8	6.8	Sáu Phẩy Tám	
38	1829210841	Hoàng Văn Tuấn	X18TOP_QTH5_C2	6			9.5	9			8.5	8.5	Tám Phẩy Năm	
39	1829210872	Nguyễn Trọng Tuấn	X18TOP_QTH5_C2	2			6.5	4.5			4.5	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
40	1829210833	Nguyễn Đình Tùng	X18TOP_QTH5_C2	8			9.5	9.5			9	9.1	Chín Phẩy Một	
41	1829210834	Nguyễn Văn Tùng	X18TOP_QTH5_C2	8			9.5	8.5			8.8	8.8	Tám Phẩy Tám	

42	1829210796	Đỗ Văn	Vỹ	X18TOP_QTH5_C2	4			9	0			v	0.0	Không	
43	1829210817	Phạm Xuân	Biên	X18TOP_QTH5_C2	2			7	2			6	5.2	Năm Phẩy Hai	
44	1829210822	Vì Văn	Bình	X18TOP_QTH5_C2	4			9	8			v	0.0	Không	
45	1829210818	Lê Xuân	Cảnh	X18TOP_QTH5_C2	6			9.5	10			8.8	8.8	Tám Phẩy Tám	
46	1829210823	Trần Văn	Đức	X18TOP_QTH5_C2	10			9.5	9			9.3	9.4	ChínPhẩy Bốn	
47	1828210813	Nguyễn Thiều	Dương	X18TOP_QTH5_C2	10			7	5.5			10	8.9	Tám Phẩy Chín	
48	1829210819	Nguyễn Việt	Hà	X18TOP_QTH5_C2	10			9	10			8.3	8.8	Tám Phẩy Tám	
49	1829210814	Khuất Cao	Hảo	X18TOP_QTH5_C2	8			5.2	6.8			8.3	7.6	BảyPhẩy Sáu	
50	1829210824	Lê Trung	Hiếu	X18TOP_QTH5_C2	10			9.5	8.5			9.3	9.3	Chín Phẩy Ba	
51	1828210826	Trần Khánh	Huyền	X18TOP_QTH5_C2	10			9.5	10			v	0.0	Không	
52	1829210827	Nguyễn Hồng	Quân	X18TOP_QTH5_C2	10			9.5	8.8			6.8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
53	1829210821	Chu Văn	Tân	X18TOP_QTH5_C2	7			8	8.5			6.5	7.1	Bảy Phẩy Một	
54	1829210793	Lê Đức	Tường	X18TOP_QTH5_C2	0			7	3.5			8.8	6.9	Sáu Phẩy Chín	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	48	89%	
2	Số sinh viên nợ	6	11%	
TỔNG CỘNG :		54	100%	

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

TRUNG TÂM eUNIVERSITY

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 10 năm 2013
TL. HIỆU TRƯỞNG
PP. ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Phạm Ngọc Tĩnh

Phan Chí

ThS. Lê Văn Chung

ThS. Nguyễn Ân